

lượng thực sử dụng đạt 1% sản lượng bình quân 5 năm 86-90 là: "Không có cơ sở khoa học". Theo tôi, số liệu đó không thể tính toán như số liệu thống kê kế toán và cũng không thể chính xác như số liệu tác giả nêu.

Theo tôi, con số 7% trước hết là con số định hướng, được xác định căn cứ vào:

- Biểu thuế cây hàng năm và biểu thuế cây lâu năm cùng với cách xác định hạng đất, diện tích đưa vào quản lý thu thuế và sản lượng tính thuế cây lâu năm được quy định trong dự án luật.

- Mức thuế động viên tính trên từng hạng đất qua điều tra khảo sát thực tế.

- Thuế ghi thu đất trồng cây hàng năm so với sản lượng thực bình quân các năm 86-90.

v.v.... Lê ra phải dùng cụm từ "khoảng 7%" mới hợp lý, nhưng bỏ từ "khoảng" đi cũng không phải là không có cơ sở khoa học như tác giả nhận xét. Vì tỷ lệ đó còn chỉ ra mục tiêu động viên thuế, chứ đâu phải chỉ là việc lấy 1350 nghìn tấn qui thóc chia cho 19.697 nghìn tấn như tác giả nói.

d/ Về diện tích tính thuế: Dự luật đưa ra chỉ là dự kiến, còn việc tính thuế bao nhiêu phải căn cứ vào các quy định của luật và thực tế đất do các tổ chức, cá nhân sử dụng. Không có nghĩa đưa ra như vậy là tạo ra "Sự bất công" như tác giả kết luận. Tác giả đưa ra con số 5,8 triệu ha với một cách tính rất đơn giản là thiếu cơ sở. Tôi cho rằng con số dự kiến 4,8 triệu ha chưa phải là số tuyệt đối chính xác, nhưng đây là con số được tính toán hợp lý và có thực tế.

e/ Về xem xét chọn mẫu điều tra: Tôi cũng có những cách nhìn khác PTS Nguyễn Sinh Cúc. PTS Nguyễn Sinh Cúc viết: "Đối với đất phù sa đồng bằng sông Hồng, chỉ điều tra 28 hộ của 5 loại đất, có loại (4 và

5) chỉ điều tra 3 hộ).

Theo nghiên cứu của tôi thì ở mỗi điểm điều tra khảo sát của dự án được trình bày bằng 3 phần:

- Đặc điểm của các hạng đất.

- Kết quả tính toán xử lý bằng máy tính theo đúng kết quả đã khảo sát thực tế.

- Những mẫu hợp lý về chi phí sản xuất và thu nhập của đất trồng lúa tính trên 1 ha canh tác năm 90 được lựa chọn trong tổng số mẫu đã điều tra khảo sát của một điểm.

Với cách xem xét như vậy, thì số mẫu điều tra ở đất phù sa đồng bằng sông Hồng là 143 mẫu, số hộ điều tra là bao nhiêu thì phải căn cứ vào phiếu điều tra, nhưng chắc chắn không phải chỉ điều tra 28 hộ như PTS Nguyễn Sinh Cúc làm phép cộng ở trang 36 của bản phụ lục. Ngay cả ở trang 36 và các trang tiếp của trang 36 cũng đã qui ra ha rồi, còn phiếu điều tra chắc chắn không phải hộ nào cũng điều tra được 1 ha.

h/ Bảng số liệu trang 73 của phụ lục phản ánh toàn bộ kết quả điều tra thực tế tại một điểm, do đó sẽ có những số liệu hợp lý và không hợp lý. Nhưng tác giả lại cho là "không phản ánh đúng thực tế" và do "Sai về phương pháp chọn mẫu (hộ)" "Sai về số mẫu cần chọn". Chúng tôi cho rằng việc chọn mẫu có thể chưa hợp lý, chưa đầy đủ, nhưng thực tế phải xuống tận cơ sở mới có thể khẳng định được việc chọn mẫu sai hay đúng và kết quả điều tra còn phụ thuộc vào địa phương.

Theo tôi, tỷ lệ huy động thuế hiện nay so với sản lượng thực tế trong cùng một hạng đất cũng rất khác nhau trong một xã, vì hạng đất tính thuế được xác định từ những năm 1983-1984 và ngay lúc đó trong cùng hạng đất chịu cùng một định suất thuế, tỷ lệ thuế so sản lượng thực tế đã có nhiều mức khác nhau rồi; vì hạng đất được

xác định căn cứ vào sản lượng đạt được bình quân 3 năm 80-82. Đến nay, sản xuất thay đổi nhiều, kết quả sản xuất (sản lượng thực tế) trên cùng một hạng đất của từng thửa ruộng có biến đổi nhiều, do đó tỷ lệ động viên thuế so với sản lượng thực tế đạt được của nhiều mảnh ruộng (thửa ruộng) trong cùng một hạng đất khác nhau là lẽ đương nhiên. Chính vì thế mà Pháp lệnh thuế NN hiện hành quy định: "Hạng đất tính thuế sau khi được HĐBT phê chuẩn được dùng làm căn cứ tính thuế trong thời hạn 5 năm". Có nghĩa là 5 năm phải điều chỉnh hạng đất tính thuế một lần.

Về tỷ lệ động viên thuế so với thu nhập (M) tôi cũng có cách suy nghĩ khác PTS Nguyễn Sinh Cúc. Tôi cho rằng: có tổ chức, cá nhân sau khi nộp thuế còn lãi nhiều, nhưng cá biệt có thể không có lãi mà vẫn phải nộp thuế. Vì thế ở trang 73 của phụ lục thể hiện có người nộp thuế bằng 3,76% lãi, có người nộp thuế bằng 14,18%, có người nộp thuế bằng 58,22% lãi cũng là lẽ thường tình, do thực tế sản xuất và trình độ thâm canh của mỗi gia đình. Tất nhiên, có thể ở đây có yếu tố hộ nông dân kê khai chưa thật đúng sát thực tế. Cần thu nhập những sự khác nhau đó để giúp ta nghiên cứu thiết kế một biểu thuế đảm bảo cho những người có trình độ canh tác trung bình, đầu tư thâm canh trung bình, sau khi nộp thuế còn có mức lãi trung bình, người kém có thể bị lỗ, người giỏi thì lãi nhiều hơn. Như vậy, biểu thuế mới có tác dụng khuyến khích sản xuất.

Rõ ràng PTS Nguyễn Sinh Cúc có những nhận xét khác với tôi quá nhiều, cũng có thể tôi chưa hiểu hết được sự phân tích sâu sắc của tác giả, nếu được tác giả cho phép xin được trao đổi tiếp để mong học hỏi được nhiều ở tác giả.

NVX.

ĐỔI TRỢC VÀ MÔ HÌNH LÀM VƯỜN TRÊN CÁC ĐỔI TRỢC

LÊ TIẾN HÙNG

(Tốt nghiệp Đại học Kinh tế tại ĐHKT TPHCM)

Đất nước ta có tài nguyên về đất khá canh thuộc loại những nước có ít nhất trên thế giới. Vốn đất Việt Nam, rộng 330.360 km², được phân bố như sau (1):

- Đất đang sử dụng, gồm có:

Nông nghiệp	6.393.000 ha	21,1%
Làm nghiệp	9.655.200	29,1%
Chuyên dùng	972.150	2,5%
Khu dân cư	817.750	2,5%
Cộng	18.438.689 ha	55,7%

- Đất khác, chủ yếu là đồi trọc 14.625.000 ha 44,3%
Cộng chung 33.063.689 ha 100%

Nếu đem chia số đất nông nghiệp 6.393.000 ha cho tổng số dân Việt Nam là 64,3 triệu người (kết quả điều tra dân số

ngày 1.4.89, hiện nay dân số VN cũng ít ra 66 triệu) mỗi người chỉ có 0,099 ha hay 994m². Còn nếu chia số đất nông nghiệp này cho số 48,2 triệu nông dân, thì mỗi đầu người nông dân (kể cả những người già, người trong độ tuổi lao động và các trẻ em) chỉ được 1326m². Nếu tính nông dân trong độ tuổi lao động, cứ một người già và trẻ em có một người trong độ tuổi lao động, thì mỗi lao động nông dân Việt Nam chỉ có 2.652 m². Trên đây là diện tích canh tác bình quân trong cả nước, nhưng nếu tính đồng bằng sông Hồng, các đồng bằng chật hẹp rải rác dọc theo bờ biển Trung Việt, ở những nơi này, đất được dùng trồng lúa và mật độ dân số rất cao, thì cái vốn đất nông

nghiệp ít hơn nhiều.

Trên những mảnh đất nhỏ hẹp 600-1000-2000-3000 m²/đầu người lao động, dù có thâm canh, cũng không có kỹ thuật nào có khả năng đem lại thu nhập 2000-3000 USD/năm/đầu người lao động, trừ phi chuyển bớt nông dân sang các ngành công nghiệp và dịch vụ hay di chuyển nông dân ở các vùng đất lúa sang những vùng đồi trọc và biến các đồi trọc thành vườn cao su, cây ăn trái, cây công nghiệp khác; những loại cây này, nếu phối hợp trồng trọt với chế biến, với chăn nuôi theo mô hình VAC (vườn, ao, cá) và nông công xuất khẩu gần hàng kết hợp (nhà nông trồng

trọt, công nghiệp thu mua chế biến, ngân hàng tài trợ với lãi suất rẻ và mua ngoại tệ với giá cao), thì một mẫu vườn có thể cho thu nhập từ 4 tới 10 lần so với một ha lúa. Như thế rõ ràng tương lai kinh tế Việt Nam về mặt nông nghiệp gắn liền với việc chuyển biến số trên 20 triệu ha đất rừng (mà đa số đã thoái hóa và chuyển dần thành đồi trọc) và đất đồi trọc thành các vườn cây ăn trái và cây công nghiệp lâu năm. Nếu làm được việc này trong khoảng thời gian một hay hai, ba kế hoạch ngũ niên thì không những cái vốn đất nông nghiệp Việt Nam được tăng gấp 2-3 lần, mà các mặt hàng xuất khẩu nông nghiệp Việt Nam sẽ đa dạng hơn và có trị giá xuất khẩu cao hơn, kinh tế nông nghiệp VN có biến chuyển vượt bậc về lượng, cơ cấu và chất trong một thời gian ngắn và sẽ góp phần đắc lực vào việc hỗ trợ cho sự phát triển công nghiệp.

I. Về kinh nghiệm làm vườn của nông dân Xuân Lộc (Long Khánh) trước năm 1975:

Trái với miền Bắc và miền Trung tại các đồng bằng, việc trồng lúa nước được coi là chính, thì tại Xuân Lộc (Long Khánh) đất đồi núi chiếm phần lớn và không thích hợp cho việc trồng cây lúa nước và chỉ có thể trồng cây công nghiệp lâu năm mà thôi. Phần đông những gia đình đang sống hiện nay tại Xuân Lộc có nguồn gốc từ cuộc di cư vào năm 1955. Lúc mới đầu, những người di cư được phân bố trong những căn nhà tranh, trong các rừng thưa, dọc theo hai bên lộ, và sống bằng tiền và vật phẩm viện trợ Mỹ. Họ phá rừng và trồng lúa rẫy, bắp, một số ít cây ăn trái. Khi Mỹ thời không còn cấp viện trợ định cư và do nhu cầu sinh sống bắt buộc, họ lấy ngắn nuôi dài: các loại cây như đu đủ, chuối, lúa rẫy, bắp, đậu phộng có thể cho hoa lợi sớm. Trong khi trồng những loại cây ngắn hạn này, họ cũng trồng xen cây ăn quả như mít, xoài, điều lớn hạt, sầu riêng v.v.... Dần dần cây mít, cây xoài, cây điều được trồng ưu tiên, vì những loại cây này có khả năng chịu hạn rất mạnh và không cần dẫn thủy trong mùa khô, có thể trồng tốt ngay cả trên sườn đồi, vách núi đá. Khi cây có trái đem bán tại i Saigon để ăn, vì đường xe hơi Saigon Xuân Lộc Đà Lạt rất tiện và Saigon là một thành phố lớn, đông dân, có mức sống cao vì Mỹ lúc bấy giờ đang đổ tiền vào Saigon để mua chuộc lòng dân Việt Nam. Các vườn Xuân Lộc bấy giờ tiến qua giai đoạn thâm canh: nhiều chủ vườn dùng đến 500 kg NPK cho mỗi ha, có trang bị máy bơm, giếng nước, ống nước dẫn thủy quanh vườn, và ngoài những cây chịu hạn khỏi cần tưới như mít, xoài, điều (nhưng với các loại cây này, chủ vườn vẫn tưới để đạt năng suất cao hơn gấp 2-3 lần so với không tưới), chủ vườn còn có thể trồng cả những loại cây cho thu nhập cao hơn, nhưng phải tưới thêm trong mùa nắng như chôm chôm trái vỏ, sầu riêng v.v.... Đất Xuân Lộc rộng, và nhiều chủ vườn có 5 đến 10 ha vườn, bình quân khoảng từ 1-2 hay 3 ha.



II. Kinh tế vườn sau ngày giải phóng, những triển vọng cho tương lai:

Sau ngày giải phóng, thời kỳ bao cấp kéo dài chỉ mới được sửa đổi từng bước dần từ sau 1985, nên thực tế Kinh tế vườn Xuân Lộc, Đồng Nam Bộ chỉ mới phát triển trong vòng vài năm gần đây (bằng có là một số khá lớn vườn cây dọc dài theo đường Đà Lạt Xuân Lộc chưa khép tán). Từ năm 1988 trở đi đã có sự chuyển biến phần khởi do các nguyên nhân sau đây:

- Nhà nước đã cấp đất và cho phép nông dân sử dụng đất lâu dài, nông dân cũng có quyền chuyển nhượng quyền sử dụng ruộng đất. Số diện tích canh tác cũng không hạn chế, do đó trên thực tế có người có thể canh tác hàng chục ha vườn, và muốn nhân công để làm vườn. Người nông dân, được thúc thúc bởi tư lợi, đã tích cực ra vườn làm việc từ từ mờ sáng đến chiều tối. Ruộng vườn được săn sóc kỹ hơn, nhiều nơi không còn ngọn cỏ.

- Mức sống nhân dân TPHCM, bình quân hiện nay đã cao hơn thời kỳ 1971, là năm TPHCM có mức sống cao nhất, do có đầu hóa Biển Đông, có lúa DB Sông Cửu Long, có ngoại tệ kiều bào gửi về, có đầu tư ngoại quốc.

Do mức sống cao trên đây, TPHCM và cả nước đã có khả năng mua nhiều và trả giá cao hơn cho các loại trái cây, là những sản phẩm tiêu thụ cao cấp và đắt tiền, rất nhạy cảm với biến chuyển của thu nhập người dân.

- Ngoài tiêu thụ nội địa, việc mở rộng xuất khẩu ra nước ngoài, cùng với đánh giá tiền ngoại tệ (như đồng USD) theo sát với giá tự do, cũng là một trong những nguyên nhân làm tăng lợi phẩm của chủ vườn, đặc biệt với tiêu, điều, cà phê, chuối v.v....Như đối với điều lớn hạt, trước giải phóng, hầu như không có xuất khẩu. Nay xuất khẩu đảm bảo 1 thị trường gần như vô hạn chế

với tiêu, điều, cà phê. Như vậy, chủ vườn có thể tăng gia sản xuất vô hạn chế các loại sản phẩm này mà không sợ ứ đọng, tuy rằng giá quốc tế có khi lên, khi xuống nhưng vì số lượng sản xuất Việt Nam về tiêu, điều, cà phê còn ít nên ít sợ bị ket hơn so với gạo: thị trường này chỉ khoảng 14 triệu tấn, trong đó Việt Nam đã chiếm trên 1 triệu tấn.

An ninh ngày nay bảo đảm 100% và thanh niên ngoài thời gian làm nghĩa vụ quân sự rất ngắn được đưa về gia đình, thanh niên là lực lượng lao động tích cực nhất ở nhiều tại đồng quê, nên Kinh tế vườn không thiếu nhân công. Ngoài ra, so với thời kỳ 1955/75, các yếu tố để thâm canh như xăng dầu, phân bón, máy bơm, đường ống dẫn nước thì ngày nay ta cũng có nhiều hơn.

Về quan điểm làm lúa nước là quan trọng còn làm vườn là thứ yếu, hiện nay đã có biến chuyển trên bình diện báo chí, các cơ quan khoa học. Còn trên thực tế, người nông dân tại các vùng đất cao có nơi đã nhận thức điều này, có nơi chưa nhận thức. Cũng chính vì lý do trên đây, tại Đà Lạt, hay tại hai bên trên con đường TPHCM - Nha Trang, hiện nay đã có các đồi núi, đất cao đều hoang vu, phó cho sự bành trướng của các đồi trọc và sự xói mòn, cuối cùng đồi trọc biến thành núi đá. Trái lại, trên đường Đà Lạt, Xuân Lộc thì các rừng núi, đất cao, đồi trọc đã chuyển biến rất nhanh thành các vườn cây ăn trái, vì nông dân tại đây biết hiệu quả kinh tế cao của vườn cây.

Lấy ngắn nuôi dài: Là một phương pháp kinh doanh cơ bản mà các chủ vườn tự động áp dụng. Các cây trồng chủ yếu là thuốc lá, khoai mì, chuối, đu đủ, đậu phộng v.v....Cây thuốc lá, nhờ có các biện pháp tích cực chống việc nhập lậu thuốc lá, giá thuốc nội tăng cao, nên đã kéo theo một mùa thuốc lá bội thu Xuân 1992. Khắp nơi, trên đường Saigon Nha Trang - Đà Lạt Saigon, nông dân rất trúng mùa thuốc lá.

Điều này chứng tỏ rằng phương pháp chặn hàng ngoại và khuyến khích tiêu thụ hàng nội là một trong những biện pháp tích cực và có hiệu quả nhất trong việc phát triển kinh tế. Đối với nhà làm vườn, trồng thuốc lá gần thu nhập cao với thâm canh, vì thuốc lá đòi hỏi phân bón nhiều và tưới trong mùa nắng. Do đó những vườn cây chưa khép tán trồng thuốc lá cũng là những vườn thâm canh. Cây đậu phộng, ngoài giá trị xuất khẩu tương đương so với cây lúa (1 ha đậu phộng 3 tấn đậu vỏ, hay hơn 2 tấn hạt, cho trên 800 USD, so với 4 tấn gạo cũng chỉ được 800 USD), còn có lợi là làm cho đất tốt thêm nhờ cố định được khí nitơ thành phân đạm. Cây khoai mì ngày nay đã được xuất khẩu dưới hình thức mì lát, được nông dân trồng nhiều. Một loại cây ngắn hạn mới xuất hiện là cây bông vải, gieo giữa mùa mưa và thu hoạch trong mùa nắng, đã bộc phát từ 1991, sau khi không còn bông vải bán dưới giá thị trường quốc tế của Liên Xô.

Với phương pháp lấy ngắn nuôi dài, người nông dân chỉ cần tích cực canh tác là có thể khăn hoang đồi núi, biến đồi núi thành vườn.

Áp dụng các biện pháp chống sói mòn: Trên các đồi núi mới khai thác, cùng với việc phá rừng lập vườn, người chủ vườn vừa trồng cây ngắn hạn, vừa trồng các cây lâu năm. Những cây lâu năm được trồng thành hàng dọc ngang, chặn các sườn dốc, những hàng ngang này được tăng cường đất, đá và chặn bớt sức sói mòn của nước sau các trận mưa rào. Cũng lưu ý rằng thị trường cây chiết và cây giống rất phát triển tại nơi đây. Như đào lộn hột trồng phổ biến từ những nhánh sai trái nhất, chiết từ những cây giống tốt nhất. Như vậy khi xuống đất, cây chiết cũng đã khá cao và nhanh chóng phủ đất, do tác dụng thâm canh của nông dân.

- Trồng các loại cây vừa có giá trị cao, vừa chống được hạn trong mùa khô: Như vậy nông dân không cần phải tưới trong mùa khô. Các cây sau đây đã được nông dân ưu thích: mít, xoài, điều hay đào lộn hột. Tiếc là nông dân không hay chưa trồng nhiều cây cao su, cây cọ dầu. Ở Mã Lai, cây cọ dầu trồng 4-5 năm đã có quả, và cho thu nhập cao hơn cây dừa hay cây cao su. Tuy cây không cần tưới, nhưng nhiều nơi, chủ vườn vẫn tưới bổ túc 15 ngày 1 lần, như vậy cây mọc rất mạnh so với cây không tưới.

- Chống nạn cháy rừng: Trên đường đi Đà Lạt Saigon, tôi nhận thấy có một đám cháy lửa bốc lên nhưng không phải là của một vườn tư nhân. Cũng có những đám đốt rừng để khẩn đất rừng trồng vườn. Nói chung, vườn tư nhân không bị nạn cháy, vì các lý do sau: có được làm sạch, chủ vườn tưới bổ túc trong mùa nắng nên cây vẫn xanh tốt, nhà chủ vườn ở ngay tại vườn, nếu xảy nạn cháy vườn thì chủ vườn sẽ phá sản, vì vậy chỉ có thể xảy nạn cháy rừng mà không thể xảy nạn cháy vườn, nếu nạn cháy vườn xảy ra thì chủ nhân cũng tìm mọi cách

ngăn chặn và giới hạn sự thiệt hại.

- Thâm canh và trồng những cây có giá trị cao: Mít và điều lộn hột, cây xoài là những cây chủ lực khi mới trồng. Lý do là các cây này ít hay không cần dẫn thủy nên chỉ đòi vốn ít và công sức ít. Nhưng tại một số nơi, các chủ vườn cũng trồng cà phê, chôm chôm tróc vỏ, tiêu là những cây đòi hỏi dẫn thủy và thâm canh.

- Nhà ở và mức sống, thu nhập của chủ vườn: Tùy theo mức độ sự trồng hay đã lâu năm. Ở những vườn cây chưa khép tán, chỉ mới là cái lán, cái chòi, mọi sự đều khó khăn. Nhưng năm 1992, ở một số nơi, nhờ trúng mùa thuốc lá, nhiều chủ vườn có huê lợi hàng triệu đồng. Ở các vườn lâu năm, thì các lán các chòi tranh đã biến thành những nhà ngói, và thu nhập lên đến hàng ngàn USD/năm.

Một vườn đào lộn hột 0,5 tấn/ha năm cho 350 USD. Một chủ vườn 3 ha thu nhập khoảng 1000 USD/ha năm, vì cây điều hầu như không cần chăm sóc mà chỉ bón phân, hái trái. Nếu như bón phân và tưới thêm, thì hoa lợi sẽ tăng bội lần.

Qua việc lấy ngắn nuôi dài, việc thâm canh, phối hợp trồng trọt với chế biến, thu mua ngoại tệ với giá cao, việc giao đất giao rừng cho nông dân, có thể biến các đồi trọc thành các vườn có trị giá cao. Ngoài những việc đã làm, như giao đất giao rừng cho nông dân, cho chủ vườn có quyền sử dụng đất bền lâu, không giới hạn diện tích vườn, tôi xin kiến nghị thêm một số biện pháp bổ túc:

- Tuyên truyền, giới thiệu rộng rãi cho nông dân rõ hiệu quả rất cao của kinh tế vườn, như 1 ha cao su, 1 ha cam có thu nhập gấp 4 lần so với 1 ha lúa;

- Các cơ quan khoa học chú trọng tới kinh tế vườn, việc tuyển chọn du nhập các giống tốt;

- Cần mở thêm đường để có thêm đất làm vườn. Kinh nghiệm đường mở tới đầu thì vườn mọc ra tới đó. Diện tích vườn

thường giới hạn ở hai bên đường. Muốn vườn rộng hơn, cần có lộ đi sâu vào các vùng đất cao. Nhà nước có thể làm đường đất trước, sau rải đá, sau mới tráng nhựa. Để có tiền dài thọ phí lập đường, cứ mỗi lần làm xong một giai đoạn, có thể lập những trạm thu tiền làm đường. Ở nước ngoài đã áp dụng phương pháp này, nên không thiếu vốn làm đường. Thậm chí các công ty tư nhân cũng bỏ vốn làm đường, vì đó là một ngành sinh lợi nhanh và chắc chắn.

- Cũng tương tự như trên, cần bán điện với một giá đủ với giá vốn cộng thêm tiền lời 10%. Một trong những yếu tố đã giúp cho các vườn bột phát là điện đã về nông thôn và được bán với giá rất rẻ. Nếu như dùng máy bơm đầu thì phải chi tới gấp 10 lần so với phí máy bơm điện. Giá điện hiện nay là 230-350 đ, phí sản xuất là 600 đ, nếu cộng thêm lời là 800 đ 1 kí. Với giá 800đ, các chủ vườn vẫn có lời cao và việc này sẽ giúp cho ngành điện kéo nhanh thêm đường dây điện tới nông thôn.

Nhà nước và nông dân cùng làm. Nhà nước làm đường xá, cầu cống và đường dây điện. Còn chủ vườn phải đóng đủ lệ phí điện, làm đường, làm cầu. Nhà nước có thể ứng vốn làm trước, rồi thu tiền sau, nhất là các chủ vườn lâu năm có thể đóng góp nhiều hơn các chủ vườn mới lập vườn.

- Ngân hàng cải tổ, dùng Séc và thương phiếu như ở nước ngoài, để có nguồn vốn rẻ tiền cho chủ vườn vay với lãi suất hạ và thời hạn lâu năm (4 năm hay 3 năm).

Cuối cùng, nhà nước chú ý đến kinh tế vườn và các cơ quan khoa học đóng góp thêm về vấn đề này, báo chí cũng nên phổ biến để tạo sự quan tâm.

LTH.

(1) Theo Nguyễn Tuấn, Tổng Cục Quản lý Ruộng Đất, Báo Nhân Dân 21/8/1991.

